

TÒA ÁN NHÂN DÂN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
HUYỆN PHONG ĐIỀN **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Bản án số: 35/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29/9/2020

V/v: Xin ly hôn

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, THÀNH PHỐ CẦN THƠ

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Mỹ Xuân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Sang

2. Ông Nguyễn Thanh Hải

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Lê Văn Ban, là cán bộ Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

Trong ngày 29 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, xét xử công khai vụ án thụ lý số 23/2020/TLST-HNGĐ ngày 10/02/2020 về việc Tranh chấp “xin ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/9/2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 66/2020/QĐST-HNGĐ ngày 29/9/2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: bà Nguyễn Thị Th, sinh năm: 1980

HKTT: ấp T.H, xã Gi.X, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ

Bị đơn: ông Trần Văn T, sinh năm: 1972

HKTT: ấp B.C, xã Gi.X, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 06/9/2019, nội dung bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn Nguyễn Thị Th trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa: bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Văn T xây dựng quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện năm 1995 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gi.X, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ vào ngày 16/6/2011. Thời gian đầu ông bà chung sống hạnh phúc có 01 con chung. Tuy nhiên, năm 2019 mâu thuẫn phát sinh do ông bà bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung và ông bà đã sống ly thân. Vì vậy, bà Th yêu cầu được ly hôn với ông T.

- Về con chung: có 01 con chung tên Trần Văn T (nam), sinh ngày 1997 (đã trưởng thành).

- Về tài sản chung và nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

Phía bị đơn ông Trần Văn Tiền: Trong quá trình giải quyết Tòa án đã nhiều lần triệu tập hợp lệ ông T đến Tòa án để ông T trình bày quan điểm của ông và hòa giải đối với yêu cầu xin ly hôn của bà Th nhưng ông T vắng mặt không lý do nên vụ việc không tiến hành hòa giải được.

Vụ án được đưa ra xét xử. Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông T, tuy ông T không trực tiếp nhận các thông báo của Tòa án nhưng có người thân của ông Tiền là con ruột Trần Văn T nhận thay và cam kết giao lại để ông T tham gia phiên tòa nhưng ông T vẫn vắng mặt không có lý do. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn Nguyễn Thị Thvẫn giữ yêu cầu xin ly hôn với bị đơn Trần Văn T nên Hội đồng xét xử, xét xử vắng mặt bị đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà Nguyễn Thị Th và ông Trần Văn T tiến tới hôn nhân năm 1995 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Gi.X, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ vào năm 2011 nên Hội đồng xét xử xác định là hôn nhân hợp pháp. Nay bà Th có đơn khởi kiện yêu cầu xin ly hôn, đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; Ông T đăng ký thường trú tại ấp B.C, xã Gi.X huyện Phong Điền nên thuộc thẩm quyền giải quyết nên Tòa án nhân dân huyện Phong Điền thụ lý theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự. Ngoài ra ông T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không lý do, nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự

[2] Về quan hệ hôn nhân: Do không ghi nhận được ý kiến của ông T nên Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bà Th cung cấp xác định: Bà Th và ông T tự nguyện tiến tới hôn nhân, thời gian đầu ông, bà chung sống với nhau hạnh phúc, có 01 con chung. Sau đó, phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, dẫn đến mâu thuẫn kéo dài và không thể hàn gắn được, hiện ông bà đã ly thân. Do tình trạng hôn nhân của bà Th và ông T đã mâu thuẫn và ngày càng trở nên trầm trọng, đã sống ly thân và ông T không quan tâm đến bà Th qua việc bà Th gửi đơn ly hôn và Tòa án đã thông báo cho ông T đến Tòa để tiến hành hòa giải nhưng ông vắng mặt không lý do nên Tòa án đã không hòa giải

được. Bà Th đã xác định không còn tình cảm với ông T. Xét quan hệ vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống, yêu thương, quan tâm nhau nhưng tình trạng hôn nhân của bà Th, ông T không thể tiếp tục duy trì đời sống chung, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của nguyên đơn có cơ sở.

[3] Về con chung: Theo các tài liệu, chứng cứ mà bà Th cung cấp thì ông, bà có 01 con chung tên Trần Văn T (nam), sinh năm 1997 đã trưởng thành.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: nguyên đơn xác định không có. Do không ghi nhận được ý kiến của bị đơn về các vấn đề này nên Hội đồng xét xử tách ra giải quyết thành vụ kiện khác khi đương sự có yêu cầu.

[5] Nguyên đơn phải nộp án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào Điều 51, 53, 56, 57 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; khoản Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 2 Điều 228. Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn Nguyễn Thị Th

1. *Về quan hệ hôn nhân:* cho bà Nguyễn Thị Th được ly hôn với ông Trần Văn T (giấy chứng nhận kết hôn 93/HT, quyển số I/2011 do Ủy ban nhân dân xã Gi.X, huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ cấp ngày 16/6/2011)

2. *Về tài sản chung và nợ chung:* tách ra giải quyết bằng vụ án khác khi đương sự có yêu cầu.

3. *Án phí hôn nhân sơ thẩm:* bà Nguyễn Thị Th nộp 300.000 đồng, chuyển tiền tạm ứng án phí tại phiếu thu số AB/2016/017314 ngày 01/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Phong Điền thành án phí.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- TAND Tp. Cần Thơ;
- VKSND H. Phong Điền;
- THA H. Phong Điền;
- UBND xã **Giai Xuân**;
- Lưu HS (2).

Hồ Mỹ Xuân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thanh Hải

Nguyễn Văn Sang

Hồ Mỹ Xuân